

Tập 6

Xin coi sách A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, dòng thứ mười, trang thứ năm:

(Diễn) Sơ minh tánh giả, tánh tức thường trụ chân tâm, toàn thể thị Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Sơ minh giả, khủng nhân nhận A Di Đà Phật tại tự tánh chi ngoại, cố cổ vân: “Nhược nhận tha thị Phật, tự kỷ khước thành ma”. Hựu vân: “Cầu nhân bất như cầu tự kỷ”.

(演)初明性者，性即常住真心，全體是極樂世界阿彌陀佛。初明者，恐人認阿彌陀佛在自性之外。故古云：若認他是佛，自己卻成魔。又云：求人不如求自己。

(Diễn: Thứ nhất, minh tánh: Tánh chính là chân tâm thường trụ, toàn thể là A Di Đà Phật nơi thế giới Cực Lạc. Trước hết phải nói rõ [tánh] vì sợ người ta sẽ nghĩ A Di Đà Phật ở ngoài tự tánh. Vì thế, cổ nhân nói: “Nếu nghĩ ai khác là Phật thì chính mình đã trở thành ma”. Lại nói: “Cầu nơi người khác chẳng bằng cầu chính mình”).

Trong buổi giảng lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này. Lời chú giải trong tiêu đoạn này hết sức trọng yếu, dùng văn tự rất ít mà giới thiệu [đầy đủ] căn cứ lý luận và công đức thù thắng của kinh này. Đây là điều hết sức khó đạt được, hy hữu. Chúng ta còn chưa đọc kinh văn mà đã sanh lòng kính ngưỡng đối với kinh này, đương nhiên hết sức ngưỡng mộ pháp môn này. Đoạn trên đây luận theo mặt Sự, nửa đoạn sau luận theo mặt Lý.

(Diễn) Đản dĩ vô thi ám động, chương thử tĩnh minh, cố thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm nhĩ.

(演)但以無始暗動，障此靜明，故託彼名號，顯我自心耳。

(Diễn: Nhưng do tối tăm, xao động từ vô thi, chương ngại sự tĩnh lặng, sáng suốt này, nên dựa vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta).

Mấy câu này rất trọng yếu. “*Tĩnh minh*” chính là Chân Như bản tánh, là con người thật sự của chúng ta, Thiên gia gọi nó là “*bổn lai diện mục*”, kinh Lăng Nghiêm gọi nó là “*chân tâm thường trụ*”. Nó vốn sẵn tĩnh lặng, vốn sẵn sáng suốt. “*Tĩnh*” (靜) là tịch tĩnh, “*minh*” (明) là hiểu rõ. Minh là Huệ, Tĩnh là Định. Tĩnh là Niết Bàn, Minh là Bồ Đề. Thế nhưng hiện thời chúng ta Tĩnh và Minh của chúng ta bị chướng ngại, bị chướng lấp. Vật gì gây chướng ngại vậy? Động! “*Ám động*” từ vô thi, “*ám*” chính là vô minh, tức là vô minh từ vô thi. Tướng của vô minh là động, chân tâm vốn bất động, do xáo động, chân tâm biến thành vọng tâm, biến “*bổn minh*” (vốn sẵn sáng suốt) thành vô minh. Nói vô minh từ vô thi là do ý nghĩa nào? Vô thi ở đây hoàn toàn chẳng phải là không tìm được chỗ khởi đầu, mà là từ nhiều kiếp trước rất lâu trong quá khứ, Chân Như bản tánh bị động.

Đương nhiên đây cũng là một cách nói, Chúng ta rất khó thể vừa ý với cách nói này được, nghe xong khó thể vui lòng! Trên thực tế, Phật pháp nói tới vô thi thì “*vô*” là không có, [vô thi] về căn bản không có khởi đầu. Bởi lẽ, vô minh là hư vọng, không chân thật, vô minh là bất giác.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: “*Bổn giác bổn hữu*” (Bổn giác vốn có), tức là như trong phần sau nói “*tĩnh minh là vốn có*”, “*bất giác vốn không*”. Vốn là không, sao lại có? Do tâm động nên có. Khi nào tâm động thì khi ấy có, khi nào tâm chẳng động sẽ không có. Do vậy, chẳng thể nói nó bắt đầu vào lúc nào được!

Hiện thời, nếu tâm quý vị bất động, sẽ chẳng còn vô minh nữa; nhưng tâm chúng ta động không ngừng, đây là “*vô thi ám động*”, chướng ngại tánh bổn giác của quý vị. Tâm ấy vọng động, phàm phu chúng ta không có cách nào nhận biết cái tâm vọng động ấy vì tướng động của nó quá vi tế. Hiện thời, chúng ta có thể cảm nhận những khởi tâm động niệm trong tâm là vì những ý niệm ấy rất thô. Chúng ta dấy lên tâm tham, dấy lên tâm nóng giận, dấy lên tâm nghi, chúng ta có thể cảm nhận được.

Những tướng ấy hết sức thô, nhưng đối với những tướng động cực vi tế, chúng ta sẽ không có cách nào cảm nhận được. Chẳng phải chỉ riêng chúng ta không thể cảm nhận mà quý vị thấy như trong kinh đã nói, bậc A La Hán công phu định lực khá sâu, đạt Cửu Thứ Độ Định cũng chẳng có cách nào cảm nhận được.

Tại Ấn Độ vào thời cổ có hàng ngoại đạo công phu quả thật khiến người khác kính ngưỡng, bội phục, công năng định lực họ đã đạt đến Tứ

Thiền Bát Định, có thể lên tới Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, công phu Thiền Định thế gian đã đạt đến tột cùng, đạt đến đỉnh cao nhất. Ở trong cảnh giới ấy, họ thấy vũ trụ và nhân sinh là một khối hỗn độn, giống như sách *Ấu Học Cổ Sự Quỳnh Lâm*¹ của Trung Quốc đã chép: “*Hỗn độn sơ khai, càn khôn thi điện*” (lúc hỗn độn sơ khai, trời đất mới bắt đầu thành lập), hoàn toàn giống với cảnh giới của ngoại đạo [Ấn Độ]. Đủ thấy công phu định lực của cổ nhân Trung Quốc đã đạt đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, cho rằng đó là đầu mối của vũ trụ nhân sinh, đại khái sự khởi đầu của vũ trụ nhân sinh được bắt đầu từ nơi ấy.

Ngoại đạo gán tên gọi cho cảnh giới ấy là Minh Đế (冥諦, Minh ở đây là tối tăm). Trong hai mươi lăm Đế [của ngoại đạo Ấn Độ], thì Đế thứ nhất là Minh Đế, một bầu vô minh, không có cách nào quán sát được!

Tiêu Thừa có thể đột phá Tứ Thiền Bát Định để đạt đến Đệ Cửu Định, nhưng vẫn không có cách nào quán sát vô tướng vô vi, ý niệm vi tế ấy chẳng dễ gì cảm nhận được. Kinh cho chúng ta biết tới khi nào mới có thể thấy được những vọng động vi tế ấy? Đức Phật dạy chúng ta, bậc Bát Địa Bồ Tát, Bát Địa gọi là Bất Động Địa, Bất Động Địa Bồ Tát chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, khi ấy mới có thể quán sát thấy. Nói cách khác, không quán sát thấy sẽ chẳng thể hàng phục, quán sát thấy nó mới có thể hàng phục nó, mới có thể dứt bỏ nó; hễ dứt bỏ sẽ chuyển Thức thành Trí. Chuyển Thức thành Trí là dứt trừ vọng động từ vô tướng, khôi phục sự tĩnh minh sẵn có. Đó gọi là “chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí”, Bát Địa Bồ Tát mới có thể làm được chuyện này. Từ ngữ “Bát Địa” ở đây chỉ bậc Bát Địa trong Viên Giáo. Chúng ta nghe xong, [cảm thấy] thật sự chẳng dễ dàng, thật khó khăn! Thật sự là khó! Thật sự khó khăn như vậy ư? Chính quý vị hãy lắng lòng suy xét. Chúng ta đều nằm mộng, mộng do đâu mà có? Mộng cũng là vọng tâm. Khi quý vị ngủ, tâm vẫn động. Chẳng động sẽ không có tướng, hễ động bèn có tướng. Tướng ấy chính là cảnh trong mộng. Quý

¹ Đây là một tác phẩm để dạy cho trẻ học vỡ lòng thuở xưa. Thoạt đầu có tên là *Ấu Học Tu Tri* (Trẻ nhỏ mới học cần biết) do Trình Đăng Cát soạn cuối đời Minh. Đến thời Gia Khánh đời Thanh, Trâu Thánh Mạch (hiệu Ngô Cương) viết thêm lời chú thích, đổi tựa đề thành *Ấu Học Cổ Sự Quỳnh Lâm*. Bản này lại được các ông Phí Hữu Dung, Diệp Phổ Tôn, và Thái Đông Phiên tăng đính một lần nữa dưới thời Dân Quốc. Toàn thể cuốn sách được viết theo lối văn biên ngẫu, văn tự giản dị, đẹp đẽ, dễ đọc, dễ học, dễ nhớ. Nội dung bao gồm nhiều chủ đề thiên văn, địa lý, tình cảm con người, hôn nhân, gia đình v.v... Trong sách giới thiệu nhiều thành ngữ cũng như nêu rõ nguồn gốc của các thành ngữ ấy.

vị có thể cảm nhận khi nào mộng cảnh sẽ khởi lên hay chẳng? Do nguyên nhân nào mà có mộng? Cảnh giới trong mộng là tướng thô; ngay cả tướng thô mà chúng ta cũng chẳng biết rõ, huống gì tướng vi tế? Do vậy, mục đích tu học Phật pháp là phải phá vô minh, khôi phục cái tỉnh minh chúng ta sẵn có. Đây là tông chỉ tu học trong Phật pháp. Nếu trái nghịch tông chỉ này, sẽ chẳng gọi là Phật pháp. Vô lượng vô biên pháp môn, bất luận cách thức, phương tiện khác nhau, hễ đạt đến mục tiêu thì nhất định phải giống nhau. Pháp môn này cũng không nằm ngoài lệ ấy, cũng nhắm tới mục tiêu ấy, chúng ta biết pháp môn này là Phật pháp thuần chân. Không sai! Chẳng phải là tà pháp, chẳng phải là ngoại đạo.

Điều chủ yếu nhất trong sự tu học của pháp môn này là hai câu cuối cùng: “*Thác bĩ danh hiệu, hiển lộ tự tâm*” (nhờ vào danh hiệu ấy, hiển lộ tự tâm của ta). Tám chữ này là tông chỉ tu học của pháp môn này. “*Bĩ danh hiệu*” (danh hiệu ấy) là A Di Đà Phật. Dùng danh hiệu ấy nhằm hiển lộ tự tâm của chúng ta. Nói cách khác, Phật hiệu này đã phá ám động vô thi, khôi phục tỉnh minh sẵn có, đây là tông chỉ tu học trong pháp môn Tịnh Độ. Do vậy, đối với trì danh niệm Phật, trong phần trước chúng tôi có nhắc tới sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng: Một câu Phật hiệu nhất định là mỗi tiếng đều đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương nên mới có thể hiển lộ tự tâm của ta. Nhất định phải biết ý nghĩa của một câu Phật hiệu thì khi niệm mới có thể từng tiếng đầy khởi công phu quán chiếu.

A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác, giác tâm là thanh tịnh, giác tâm là quang minh. Tâm mê là động, trong tâm mê có vọng niệm. Trong giác tâm không có vọng niệm. Trong cảnh giới, tâm chúng ta vừa mê liền phải giác ngộ. Cổ nhân thường nói: “*Bát phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm vừa dấy lên bèn mê, bất luận là niệm gì, hễ dấy niệm đều là mê. Chúng ta chẳng dấy một niệm thì thừa với quý vị, niệm nào cũng chẳng khởi, nhưng vẫn còn mê! Chuyện này khó thể thực hiện lắm! Dấy niệm là gì? Là vọng niệm, là loạn tưởng; nhưng [đối với phàm phu chúng ta] niệm nào cũng chẳng có thì lại là vô minh. Chuyện này phiền phức rất lớn. Sự giác (nhận biết ấy) rốt cuộc là gì? Giác tâm. Thừa quý vị, không có niệm thì thứ gì cũng rõ ràng, nó chẳng phải là vô minh. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều biết, trong tâm chẳng khởi lên ý niệm, đó gọi là chánh niệm, đó là giác tâm. Nếu chúng ta niệm gì cũng đều chẳng có, nhưng chuyện gì cũng hồ đồ, dấy là vô minh. Nếu niệm gì cũng chẳng có mà chuyện gì cũng hiểu rõ ràng, rành mạch thì là chân tâm. Ở chỗ này, chớ nên lầm lẫn một chút nào. Cổ

nhân nói: “*Sai chi hào ly, thất chi thiên lý*” (sai chỉ hào ly, lạc cả ngàn dặm). Thật đấy! Chẳng sai tí nào!

Chúng ta là kẻ sơ học, dụng công thì một câu Phật hiệu, chẳng thể gián đoạn giữa chừng, vì sao? Một câu Phật hiệu rành mạch phân minh, chẳng phải là vô niệm, mà là hữu niệm; do hết thấy vọng niệm đều chẳng có nên chẳng phải là hữu niệm. Niệm Phật chẳng phải là hữu niệm, chẳng phải là vô niệm. Bắt đầu dụng công thì phải khởi sự từ chỗ này. Một câu Phật hiệu từng tiếng lay tỉnh cái tâm Bồn Giác của chúng ta. Bởi lẽ, A Di Đà Phật chẳng ở bên ngoài, chẳng phải chỉ cho vị Phật ở ngoài tâm, mà ở trong tự tâm. Từng tiếng từng tiếng gọi ra vị A Di Đà Phật của chính mình. A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác; sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thứ gì cũng đều giác chẳng mê, đây là A Di Đà Phật. Mê là phàm phu, ngộ là Phật. Đối với cảnh giới trước mắt phải giác, đối với quá khứ phải giác, đối với vị lai cũng phải giác. Mười phương ba đời là phạm vi giác ngộ của chúng ta.

Trong tháng này chúng ta muốn mở khóa Đại Chuyên Giảng Tòa mùa Đông, trong khóa giảng có hai chủ đề là Phật Học Khái Yếu và Tâm Kinh. Trong hai khóa trình này, chúng tôi muốn thảo luận về vấn đề này: Hai khóa trình này đều quy kết A Di Đà Phật, quy kết nơi “*thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm*”. Chúng ta học xong mới thật sự thụ dụng được. Do vậy, bốn câu này hết sức trọng yếu, hoàn toàn dựa theo Lý đề nói ra, nói rõ pháp môn này quả thật có căn cứ lý luận hết sức cao, quyết chẳng phải là mê tín. Với cách niệm như vậy, niệm đến nhất tâm bất loạn thì gọi là Lý nhất tâm bất loạn, một câu Phật hiệu nhất định sẽ niệm đến mức “*tâm khai, ý giải*”, chẳng khác gì “*minh tâm kiến tánh*” của Thiền Tông và “*đại khai viên giải*” của Giáo Hạ. Đây mới là như Liên Trì đại sư đã nói “*nhiep trọn năm tông, bao trùm tám giáo*”.

(Diễn) Nhiên Tây Phương diệc thật hữu A Di Đà Phật.

(演) 然西方亦實有阿彌陀佛。

(Diễn: Nhưng tại Tây Phương cũng thật sự có A Di Đà Phật).

A Di Đà Phật ở đây chỉ một vị Phật, chỉ danh hiệu của một vị Phật, có vị Phật ấy, quả thật có một vị A Di Đà Phật.

(Diễn) Nhi tức thử Tây Phương Phật, diệc bất tại tự tâm ngoại.

(演) 而即此西方佛，亦不在自心外。

(**Diễn:** Nhưng ngay cả vị Phật ở Tây Phương này cũng chẳng ở ngoài tự tâm).

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nêu lên rõ một nguyên lý tối cao: Sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều do cái tâm của chính chúng ta biến hiện, giống như chúng ta nằm mộng, toàn bộ mộng cảnh đều do tự tâm của chúng ta biến hiện. Tâm có thể hiện, Thức có thể biến, đây là nguyên lý tối cao được giảng trong Phật pháp. Cái có thể hiện (năng hiện) là Tâm của chính mình, cái có thể biến hóa (năng biến hóa) là Thức của chính mình. Tâm là chân tâm, Thức là vọng tâm; vọng tâm có thể biến hóa, chân tâm có thể hiện tướng. Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là chuyện này, ngàn kinh vạn luận nói rõ sự thật này.

Danh hiệu có tác dụng quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Cổ nhân dạy chúng ta tu học, nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*”², dụng công phải “*chuyển Thức thành Trí*”. Tu hành, một là Giải, hai là Hành; Giải phải tiêu quy tự tánh, ở đây gọi là “*hiển ngã tự tâm*”. Có như vậy thì mới thật sự thụ dụng, thật sự có tâm đắc. Danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát đều nhằm hiển lộ tự tâm của ta, A Di Đà Phật hiển lộ tự tánh bốn giác, tự tánh giác, vô lượng giác của chúng ta. Quán Thế Âm Bồ Tát hiển lộ lòng từ bi trong tự tâm của chúng ta. Địa Tạng Bồ Tát hiển lộ sự hiếu thuận trong tự tâm của chúng ta. Văn Thù Bồ Tát hiển lộ trí huệ trong tự tâm của chúng ta. Phổ Hiền Bồ Tát hiển lộ đại nguyện trong tự tâm của chúng ta. Danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát đều nhằm hiển lộ tự tâm của ta, không riêng gì một vị A Di Đà Phật đang được nói tới ở đây. Quý vị hiểu được ý nghĩa này thì mới biết danh hiệu Phật, Bồ Tát nhiều như vậy là vì tự tánh có vạn đức, vạn năng, một danh hiệu không thể hiển lộ hết được!

Danh hiệu của chính chúng ta cũng phải tương ứng với điều này. Quý vị quy y hoặc xuất gia, pháp sư đặt pháp danh cho quý vị, tên gọi ấy cũng nhằm để quán chiếu, cũng nhằm hiển lộ tự tâm của ta, chính mình phải giác ngộ. Chẳng những hiển lộ ta mà còn hiển lộ hết thấy chúng sanh, vì sao? Tự và Tha bất nhị. Khi tôi xuất gia, sư phụ đặt pháp danh cho tôi là Tịnh Không; hễ nhắc đến tên gọi ấy, tôi phải nghĩ: “Ta có

² Tiêu quy tự tánh: “Tiêu” là các niệm đều tiêu dung, tức hoàn toàn không còn thấy hữu niệm và vô niệm, dứt trừ mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà cũng chẳng thấy có dứt trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. “Quy” là quán chiếu tánh của mọi niệm đều có cùng một thể với tự tánh thanh tịnh tâm, chẳng ra ngoài tự tâm.

thanh tịnh hay không? Có Không hay chẳng?” “Chân tịnh, chân không” là chân tâm, tức chân tâm thường trụ. Quý vị nghe danh hiệu ấy, đừng nghĩ danh hiệu ấy dùng để gọi tôi, sai rồi! Quý vị chấp vào tướng! Quý vị hãy lập tức nghĩ đến tự tâm, tâm quý vị có thanh tịnh hay không? Có rỗng rang hay không? [Hễ nghĩ như vậy] quý vị liền được thụ dụng. Nếu không, chúng ta hằng ngày niệm câu A Di Đà Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, hằng ngày niệm danh hiệu Ngài, Ngài nghe chẳng chán ngán ư? Trọn chẳng biết tiêu quy tự tánh là vô lượng công đức, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đối với cổ nhân Trung Quốc, người tại gia chọn danh hiệu luôn có ý nghĩa rất sâu, khác hẳn cách đặt tên của người hiện thời. Khác biệt về tư tưởng và quan niệm! Cha mẹ đặt tên cho con cái, quá nửa là kỳ vọng nơi cả cuộc đời của con cái, tức là mong mỗi con cái trong tương lai danh sẽ hợp với thật.

Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] viết tại Tây Phương quả thật có thế giới Cực Lạc, có Phật hiệu A Di Đà. Thế giới và Phật cũng chẳng ở ngoài tự tâm. Phải biết cái tâm của chính mình hết sức rộng lớn “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm chứa đựng hư không, có phân lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát). Do vậy, cái tâm này chẳng thể quá nhỏ, nhỏ nhoi sẽ đáng thương, tâm lượng phải lớn. Tận hư không, trọn pháp giới là chính mình, thật sự bỏ đi chính mình, nếu chấp trước một tí nào trong ấy, ngỡ nó là chính mình, sẽ rất đáng thương! Kinh Lăng Nghiêm có tỷ dụ, sánh ví chân tâm như biển cả, dùng bọt nước trong biển cả để ví người điên đảo mê hoặc. Kẻ nào chấp bọt nước là biển cả, bỏ quên toàn bộ biển cả thì là kẻ mê, là phạm phu. Người giác ngộ biết toàn bộ biển cả là chính mình, bọt nước ấy cũng là chính mình, bọt nước chẳng tách lìa biển cả. Do đây biết rằng: Chúng sanh sở dĩ trở thành chúng sanh là do phân biệt, chấp trước, vọng tưởng tạo ra. Lìa khỏi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thì trí huệ và đức tướng của mỗi cá nhân sẽ chẳng khác gì chư Phật Như Lai. Theo kinh Hoa Nghiêm, khi Thích Ca Mâu Ni Phật lúc mới thành đạo, đã rất cảm khái, nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Câu nói này rất rõ ràng, lại nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Khuyết điểm, sai lầm của chúng sanh là do phân biệt, chấp trước hết thấy pháp nên chẳng thể chứng đắc.

Do vậy, Phật pháp từ đầu đến cuối nhằm dạy chúng ta phá trừ chấp trước. Phá được Ngã Chấp sẽ là Chánh Giác, trong Phật pháp gọi là Chánh Giác. Phá được Pháp Chấp sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn sạch hai thứ Pháp Chấp và Ngã Chấp sẽ gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Giác là A La Hán, Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ

Tát, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Phật. Phật, Bồ Tát và phàm phu khác biệt ở chỗ một đẳng có chấp trước, một đẳng không chấp trước. Người không chấp trước gọi là Bồ Tát, kẻ có chấp trước gọi là phàm phu. Người không chấp trước, tâm to lớn, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Có chấp trước, tâm nhỏ nòi. Tâm chấp trước là vọng tâm, là vô minh; tâm không chấp trước là chân tâm, vốn sẵn sáng suốt. Chúng ta phải hiểu rõ những đạo lý này, phải rèn luyện trong cảnh giới hòng mở rộng tâm lượng của chính mình.

(Diễn) Tức Sự tức Lý, tức Lý tức Sự.

(演) 即事即理 · 即理即事。

(Diễn: Sự chính là Lý, Lý chính là Sự).

Lý và Sự là một. Lý là chân tâm, tâm có thể hiện, có thể biến. Sự là hiện tượng được biến hiện. Lý và Sự giống như một, Lý và Sự chẳng hai.

(Diễn) Đại sư khủng cuồng ngu thác nhận, cố thủ minh dã.

(演) 大師恐狂愚錯認 · 故首明也。

(Diễn: Đại sư sợ kẻ cuồng ngu hiểu lầm, nên trước hết phải nói rõ).

Chữ “*đại sư*” chỉ Liên Trì đại sư. Ngài chỉ sợ người cuồng vọng, kẻ ngu mê hiểu lầm, hiểu sai; do vậy, trước hết, nói rõ. Đoạn này nói rõ [những điều sẽ được trình bày] trong trang thứ nhất của quyển Thượng, đến khi ấy, chúng ta sẽ lại nghiên cứu.

Chúng ta xem tiếp [lời giải thích cho] tựa đề của khoa thứ hai trong phần Thông Tụ Đại Ý.

(Diễn) Nhị, tán kinh giả, kinh tức Phật Thuyết A Di Đà Kinh.

(演) 二、讚經者 · 經即佛說阿彌陀經。

(Diễn: Thứ hai là khen ngợi kinh, “kinh” chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh).

Chữ “*kinh*” chuyên chỉ bộ kinh này, “*tán*” (讚) là tán thán (khen ngợi).

(Diễn) Dĩ thử kinh thị nhất Đại Tạng trung đệ nhất phương tiện cổ.

(演) 以此經是一大藏中第一方便故。

(Diễn: Do kinh này là phương tiện bậc nhất trong cả Đại Tạng).

Chúng ta cũng phải nhớ kỹ đoạn này, vì chúng ta chưa đọc Đại Tạng Kinh, chúng ta không có Pháp Nhãn. Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều như thế, bộ nào tốt nhất, chúng ta cũng chẳng tìm ra. Chúng ta không có Huệ Nhãn, chính mình chẳng thấy được! Nay chúng ta dựa vào Pháp Nhãn của Liên Trì đại sư lão nhân gia, Ngài giúp đỡ chúng ta, bảo chúng ta bộ kinh này là “*phương tiện bậc nhất*” trong Đại Tạng Kinh, lại không có bộ kinh nào có thể thuận tiện bằng bộ kinh này. Phương tiện chẳng phải là không tốt, phương tiện tốt lắm chứ! Đức Phật nói hết thấy kinh, đều là nói phương tiện, vì pháp chân thật chẳng thể diễn tả được. Kinh Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa trong Viên Giáo, phẩm quan trọng nhất trong kinh ấy là phẩm Phương Tiện, giảng rõ ràng cho quý vị: “Phàm những gì có thể nói ra đều là pháp phương tiện!” Chủ ý của đức Phật là dạy quý vị nương vào phương tiện để ngộ nhập chân thật. Pháp chân thật phải cậy vào chính mình để ngộ nhập. Ví như trong phần trước có nói “*thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm*” (dựa vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta). Dựa vào danh hiệu ấy là pháp phương tiện, hiển lộ tự tâm của ta là pháp chân thật. Quý vị dùng một câu danh hiệu này thật sự hiển lộ tâm tánh của quý vị, đây là công phu của chính quý vị, người khác chẳng thể giúp đỡ được!

Do vậy, hết thấy các kinh đều là pháp phương tiện, đều nhằm giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Bộ kinh này là pháp phương tiện bậc nhất trong hết thấy các pháp phương tiện, [nói như vậy thì] quý vị mới biết giá trị của bộ kinh này. Chúng ta học kinh, có thể nắm vững bộ kinh này, cả một Đại Tạng Kinh đều bỏ hết, quý vị quyết định thành công, trong một đời này, quý vị chắc chắn có thể thành tựu. Nếu chọn lựa những kinh điển khác thì vẫn phải dùng bộ kinh này để phụ trợ; nếu không, sẽ chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tôi nói lời này chẳng phải là nói tùy tiện, chẳng phải là tùy tiện đề cao pháp môn này, mà là có căn cứ thật sự. Căn cứ gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm cũng là Nhất Thừa Viên Giáo.

Năm mươi ba vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm đại diện vô lượng pháp môn. Nói cách khác, họ đại diện cho hết thấy các kinh; bất

luận quý vị tu một pháp môn nào, học một bộ kinh nào, đến cuối cùng vẫn phải theo Phổ Hiền Bồ Tát “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể viên mãn Bồ Đề. Nói cách khác, chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kinh Hoa Nghiêm chỉ rõ điều này.

Do đây có thể biết rằng: Kinh này là kết luận, là kết quả của kinh Hoa Nghiêm. Điều đáng tiếc là người thật sự nhận biết bộ kinh này không nhiều, ai nấy đều tụng niệm khóa tụng, nhưng ai nấy đều chẳng nhận ra kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh, là pháp môn bậc nhất trong hết thảy pháp môn, họ không nhận ra được. Tuy hằng ngày niệm nhưng chẳng xem trọng, chẳng nghĩ kinh này đáng để vào mắt, kết quả là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, đáng tiếc quá sức! Do vậy, kinh này chẳng thể không học! Tôi thường nói: Kinh Hoa Nghiêm có thể không cần nghe, nhưng kinh này chẳng thể không nghe! Vì sao? Nếu muốn thành tựu trong một đời, kinh này rất quan trọng. Nói thật ra, cậy vào kinh Hoa Nghiêm thì quý vị chẳng thể thành tựu trong một đời được đâu! Đây là sự thật, nhất là sách Sớ Sao đã đem những ý nghĩa của bộ kinh này nêu rõ tường tận như thế, quả thật rất khó có!

(Diễn) Thị thập phương chư Phật đồng sở tán thán cố.

(演) 是十方諸佛同所讚歎故。

(Diễn: Nên được mười phương chư Phật cùng khen ngợi).

Nếu chẳng phải là kinh bậc nhất, chẳng phải là phương tiện bậc nhất, có sao được mười phương chư Phật đều cùng tán thán? Trong các kinh điển khác, quả thật chúng ta không thấy điều này, chỉ có bộ kinh này được mười phương chư Phật đều tán thán. Nếu chẳng phải là kinh bậc nhất, sẽ chẳng được mười phương chư Phật đều tán thán. Chẳng thể có hiện tượng này! Chúng ta nên hiểu rõ điều này.

(Diễn) Dĩ tứ tự danh hiệu, phổ tiếp tam căn, trực thông ngũ giáo cố.

(演) 以四字名號，普接三根，直通五教故。

(Diễn: Do danh hiệu bốn chữ tiếp dẫn khắp ba căn, thông thẳng với năm giáo).

“*Tam căn*” là những người thuộc các căn tánh thượng, trung, hạ. Người căn tánh thượng đẳng, căn tánh nhạy bén nhất, thường nói là “*nghe một, ngộ cả ngàn*” cũng tu Tịnh Độ. Văn Thủ Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát là bậc thượng thượng căn mà vẫn muốn cầu sanh Tịnh Độ. Trung căn, hạ căn cũng đều có thể vãng sanh. Kẻ hạ căn ngu muội dẫu ngu si đến tột bậc, chỉ cần kẻ ấy nhất tâm trì danh thì cũng có thể vãng sanh. Tịnh Tông thường nói “*căn cơ chín muồi*”, người căn cơ chín muồi là như thế nào? Chính là người trong một đời này đã nhận biết, hạ quyết tâm, ta chỉ trì một câu danh hiệu suốt đời chẳng thay đổi, một bộ kinh A Di Đà. Những kinh điển khác ta không đọc đến, chẳng cần phải nghiên cứu! Căn cơ của người ấy rất thuần thực, người ấy quyết định vãng sanh ngay trong một đời này. Nếu tâm còn nghĩ Đông, tưởng Tây, vẫn mong nghiên cứu cái này, vẫn muốn học cái nọ, tức là chưa chín muồi, trong đời này có thể gieo thiện căn, nhưng trong đời này chẳng chắc chắn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Người ấy vẫn còn có tam tâm nhị ý đối với hết thầy kinh giáo, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Đã nói như vậy, cũng sẽ có người hỏi tôi: Vì sao trong Đại Chuyên Giảng Tòa thầy không giảng kinh Di Đà, mà phải giảng Phật Học Khái Yếu, giảng Tâm Kinh? Có phải là xen tạp hay không? Thưa quý vị, đó là xen tạp, không sai! Đây là phương tiện nhằm tiếp dẫn sơ cơ, bảo những người ấy niệm Phật, họ sẽ chẳng chịu niệm, họ chẳng tin tưởng, [giảng những thứ ấy] nhằm tiếp dẫn kẻ sơ cơ đấy mà!

Chẳng những nhằm tiếp dẫn hàng sơ cơ mà trong ấy còn có nguyên nhân: Tiếp dẫn người sơ cơ ở nước ngoài. Bên ngoại quốc gửi thư sang xin băng thâu hình Phật Học Khái Yếu và Tâm Kinh, chúng tôi nhân dịp này thâu hình tại hiện trường để gửi ra ngoại quốc, tiếp dẫn hàng sơ cơ bên ấy. Từ từ khuyến họ niệm Phật, khi nào họ chịu tin tưởng là lúc căn cơ của họ đã chín muồi. Họ không tin tưởng thì cũng chẳng có cách nào, chưa chín muồi mà! Băng ghi hình và kinh bản này đều phải gửi ra ngoại quốc với số lượng lớn; do vậy, khóa giảng này hết sức có ý nghĩa. Trong thời gian diễn giảng, đặc biệt hoan nghênh các đồng tu nêu lên câu hỏi để thảo luận, sẽ có rất nhiều điều hay, nhất là với người ngoại quốc, họ nghe xong sẽ có nghi vấn, nhưng có nghi vấn mà không có chỗ để hỏi. Do vậy, những câu hỏi của quý vị có thể là những vấn đề họ đang nghi hoặc. Hỏi đáp như vậy có thể giúp ích rất lớn cho họ.

“*Ngũ giáo*”: Tác phẩm chú giải A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã chọn lựa [những giáo nghĩa] từ năm giáo theo tông Hiền Thủ: Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Hết thầy các pháp môn do Thích Ca

Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm được Hiền Thủ đại sư chia thành năm giai đoạn, bao gồm toàn bộ các kinh, đấy là Ngũ Giáo: Tiêu, Thi, Chung, Đốn, Viên.

(Diễn) Dĩ y kinh chấp trì năng hiển tự tánh, ư nhất sanh trung.

(演) 以依經執持能顯自性，於一生中。

(Diễn: Do nương theo kinh chấp trì sẽ có thể hiển lộ tự tánh, trong một đời...)

Chữ “*kinh*” nói tới lý luận, phương pháp, cảnh giới. Chiều theo những lý luận, phương pháp, cảnh giới được giảng trong kinh điển để tu hành. “*Chấp trì*” là chấp trì danh hiệu, có thể đạt đến mức hiển lộ tự tánh của chính mình, có thể thành tựu trong một đời này. Đấy là pháp khó tin, chẳng thể nghĩ bàn! “*Hiển tự tánh*” chính là kiến tánh. Tu những pháp môn khác mà mong kiến tánh quả thật chẳng phải là chuyện dễ. Tham Thiền có thể kiến tánh, bởi Thiền là con đường tắt trong cửa Phật nên có thể đạt đến được. Ngoài Thiền ra, tu học các pháp môn khác mà muốn kiến tánh trong một đời sẽ chẳng dễ dàng. Câu kế tiếp là...

(Diễn) Khả tùng bác địa, trực đăng Thập Địa.

(演) 可從博地，直登十地。

(Diễn: Có thể từ địa vị thấp lẽ tề sát đất lên thẳng Thập Địa).

Thiền Tông trọn chẳng thể đạt được điều này. Nói thật thà, Thiền có thể đạt đến Sơ Trụ hoặc Nhị Trụ thì còn có thể, chứ bảo đạt lên Sơ Địa, chẳng phải đơn giản! Trì danh niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ kiến tánh. Nói theo pháp môn này thì có ba bậc công phu: Công phu Tối Thượng Thừa là Lý nhất tâm bất loạn, tương đương từ Sơ Trụ đến Thập Địa trong Viên Giáo, đều là Lý nhất tâm. Trong Lý nhất tâm, công phu có sâu hay cạn khác nhau. Công phu sâu thì đăng địa (chứng từ Sơ Địa trở lên), công phu cạn thì là Thập Trụ, Thập Hạnh, đều là hạng công phu thượng đẳng, thành tựu thượng đẳng. Thành tựu trung đẳng là Sự nhất tâm bất loạn. Nếu dựa theo các địa vị Bồ Tát trong Viên Giáo để nói, [Sự nhất tâm bất loạn] sẽ tương đương với các địa vị Bồ Tát từ Thất Tín cho Thập Tín, gồm bốn cấp. Công phu hạ đẳng là công phu thành phiến, từ địa vị Ngũ Phẩm cho đến địa vị Lục Tín trong Viên Giáo đều thuộc công phu thành phiến, đều là đời nghiệp vãng sanh, chúng ta có thể thành tựu [công phu này] trong một đời.

Người niệm Phật đã niệm đến mức công phu thành phiên rồi sẽ có thể vãng sanh. Khi ấy, sẽ nên làm như thế nào? Có phải là ngay lập tức vãng sanh hay không? Đi ngay cũng được! Có thể đi được, chứ không phải là chẳng đi được. Nếu quý vị thật sự thông minh, quý vị có thể không đi, quý vị vẫn ở trong thế giới này để nâng cao phẩm vị của mình; bởi lẽ, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đương nhiên cũng là thành Phật ngay trong một đời, nhưng thời gian dài lắm, không có thành tựu nhanh chóng như trong thế giới này. Kinh đã từng dạy: Người công phu theo đúng đường lối, tu hành một ngày trong thế giới Sa Bà bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc. Do vậy, ở nơi đây dụng công mười năm, hai mươi năm, có thể nâng công phu thành phiên lên Lý nhất tâm bất loạn. Nếu tu hành trong cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị muốn đến cõi Thật Báo, thời gian [tu tập] ấy khá dài, chúng ta tốn thời gian mấy chục năm ở đây tu hành thành công, hễ vãng sanh liền sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự tại nhiều lắm!

Vì vậy, tự hành, dạy người, tự lợi, lợi tha, chúng ta quyết định chẳng vớt bỏ, chỉ cần có cơ hội sẽ nhất định phải làm, trừ khi thọ mạng đã đến thì chẳng có cách nào. Nếu thọ mạng chưa hết, nhất định phải lợi dụng thời gian này để nâng cao phẩm vị của chính mình. Những phương pháp tu hành đều có trong kinh sớ, chúng ta phải nghiêm túc nghiên cứu, thảo luận. Trong một đời, từ địa vị phàm phu sát đất, từ địa vị hiện thời của chúng ta có thể đạt thành Địa Thượng Bồ Tát (hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên), bất cứ pháp môn nào khác cũng chẳng thể làm được như vậy, chỉ có mình pháp môn này.

(Diễn) Tam, cảm thời giả. Thời, tức kim Mạt Pháp chi thời.

(演) 三、感時者、時、即今末法之時。

(Diễn: Ba là cảm thán trước thời thế. Thời chính là thời Mạt Pháp hiện tại).

Đặc biệt nói về thời đại hiện tại của chúng ta.

(Diễn) Cảm giả.

(演) 感者。

(Diễn: Cảm là).

“Cảm” là cảm tưởng.

(Diễn) Dĩ thời đình Mạt Pháp, căn đa thiểu bạc, pháp môn trung nhân phi ngu tức cuồng.

(演) 以時丁末法，根多淺薄，法門中人非愚即狂。

(Diễn: Do nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ phần nhiều nông cạn, mỏng manh, những người trong pháp môn nếu không ngu cũng cuồng).

Hiện tượng này đặc biệt đó là trong thời đại hiện thời của chúng ta có thể nói là lúc nào, chỗ nào cũng đều nhận thấy, rất là quan trọng. Bản thân chúng ta phải tự mình phản tỉnh, kiểm điểm xem bản thân chúng ta có thuộc vào hai loại căn tánh ngu hoặc cuồng hay không? Cuồng ngu là chẳng tin tưởng pháp môn này.

(Diễn) Cố vi diệu pháp môn, hoặc nhương tý bài vi tiểu giáo, hoặc đại tiểu xích tác Quyền thừa.

(演) 故微妙法門，或攘臂排為小教，或大笑斥作權乘

。

(Diễn: Cho nên đối với pháp môn vi diệu, hoặc xắn tay áo³ quở là tiểu giáo, hoặc cười to chê là Quyền thừa).

Đây đều là cảnh giới của hạng ngu cuồng. Pháp môn bậc nhất là pháp môn thành Phật ngay trong một đời mà chẳng nhận biết, coi là Tiểu giáo, hoặc là giáo pháp của các bà cụ già. Học Phật rất khó, nhưng nếu hằng ngày cảm sâu chuỗi niệm Phật liền cảm thấy rất khó chịu, rất mất mặt, nghĩ pháp môn này chẳng có kẻ có tri thức nào học. Lầm rồi! Lầm lẫn quá đời!

(Diễn) Hựu hoặc chung nhật duy động sổ châu, hoặc cùng niên dẫn sổ hoàng đậu, đại sư bà tâm thậm thiết, năng bất vị chi thương tâm dã.

³ “Nhương tý” (xắn tay áo, lộ cánh tay, biểu lộ sự phẫn chấn) là một thành ngữ thể hiện sự sốt sắng tích cực. Đây là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: “*Thượng lễ vi chi, nhi mạc chi ứng, tắc nhương tý nhi nhương chi*” (Bậc chú trọng lễ nghĩa dùng lễ đãi người, dầu chẳng được đáp ứng vẫn sốt sắng thực hiện). Câu này được dịch theo lời chú giải của Vương Bật.

(演)又或終日唯動數珠，或窮年但數黃荳，大師婆心甚切，能不為之傷心也。

(Diễn: Hoặc có người suốt ngày chỉ lần xâu chuỗi, hoặc quanh năm chỉ đếm đậu vàng, tâm đại sư đau đau thiết tha, há chẳng thể không đau lòng ư?)

Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, “đếm đậu vàng”⁴ cũng là niệm Phật, nhưng mà sao? Chẳng hiểu đạo lý niệm Phật, đối với pháp môn niệm Phật, chẳng biết một tí gì! Tôi cũng từng nghe nói, có một loại người như thế, có thật đấy, chẳng giả đâu! Có những kẻ ngu niệm Phật, vì sao họ niệm Phật? Nghe nói một tiếng niệm Phật sẽ được một đồng, trong tương lai sau khi chết đi sẽ được một đồng trong cõi Âm, càng niệm nhiều thì khi làm quý sẽ có nhiều tiền, trở thành con quý giàu có, chẳng thành quý đói! Do vậy, kẻ ấy hằng ngày niệm Phật, khi niệm hoàn toàn chẳng mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà mong tương lai khi làm quý sẽ có nhiều tiền chẳng đói khổ, hồng bát rồi! Làm chẳng biết đến đâu nữa rồi! Do vậy, nhất định phải hiểu lý, phải tương ứng với tự tánh giác, phải nâng cao cảnh giới của chính mình. Đây là ý nghĩa vì sao đại sư vì người đời sau mà biên soạn Sớ Sao.

(Diễn) Tư, thuật ý giả, ý tức đại sư tác sớ chi ý.

(演)四、述意者，意即大師作疏之意。

(Diễn: Bốn là thuật ý. Ý chính là ý nghĩa vì sao đại sư soạn Sớ Sao).

Đây là lời giải thích của pháp sư Cổ Đức, giới thiệu cho chúng ta biết vì sao Liên Trì đại sư viết Sớ Sao cho kinh Di Đà.

(Diễn) Thuật, trần dã, dữ tiền thuật tự giải sảo dị.

(演)述，陳也，與前述字解稍異。

(Diễn: Thuật là trình bày, hơi khác với chữ Thuật đã được giải thích trong phần trước).

⁴ Trước kia, ở Trung Hoa xâu chuỗi chưa thông dụng. Khi ngài Đạo Xước đề xướng niệm Phật, để ghi nhớ số câu, người ta thường dùng những hạt đậu để ghi nhớ số, trong đó, loại “hoàng đậu” (đậu nành) được dùng phổ biến nhất.

Trong phần Nhân Đề ở phía trước đã từng giảng [ý nghĩa chữ Thuật là “*thuật nhi bất tác*” (kê lại chứ không sáng tác), Thuật trong phần này là nêu rõ nguyên do].

(Diễn) Đại sư bản ý, toàn tại kiêm lợi.

(演) 大師本意，全在兼利。

(Diễn: Bản ý của đại sư hoàn toàn nhằm tự lợi lẫn lợi tha).

“*Kiểm lợi*” là tự lợi và lợi tha, hai thứ lợi ích.

(Diễn) Dục phát khởi chúng sanh chi chân tín, cố cực luận niệm Phật chi hồng công nhĩ.

(演) 欲發起眾生之真信，故極論念佛之宏功爾。

(Diễn: Muốn cho chúng sanh phát khởi lòng tin chân thật, nên luận định tột bậc về công lao to lớn của niệm Phật vậy).

“*Hoằng*” (宏) là to lớn. Niệm Phật luận trên phương diện công phu hoặc công đức đều là đệ nhất. Đương nhiên, quan trọng nhất vẫn là “*chân tín*”. Hiện thời, người niệm Phật đông đảo, người chân tín ít ỏi. Chúng ta nhất định phải nỗ lực phản tỉnh, kiểm điểm, đừng nói tới ai khác, phải nỗ lực kiểm điểm chính mình, phản tỉnh xem chính mình có phải là chân tín hay không. Người chân tín nhất định y giáo phụng hành; nói cách khác, từng tiếng Phật hiệu nhất định đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, mỗi tiếng Phật hiệu nhất định tương ứng với tự tánh giác. Đây là chân tín.

Nếu chẳng tương ứng với “giác, chánh, tịnh” trong tự tánh sẽ chẳng phải là chân tín, niệm niệm vẫn là mê hoặc, điên đảo. Thế nào mới là chân tín? Niệm niệm vẫn là thị phi, nhân ngã, niệm niệm vẫn là phân biệt, chấp trước, đây chẳng phải là chân tín. Trong chân tín không có những thứ ấy. Tâm chân tín là tâm thanh tịnh. Tâm chân tín là tâm rộng lớn. Nếu chẳng nhờ bộ Sớ Sao này của đại sư, sẽ rất khó khiến cho người niệm thật sự khởi lên lòng tin chân thật. Công đức của Ngài quá thật vô lượng vô biên.

(Diễn) Cái dục dĩ nhất cú Di Đà, biến dẫn quần sanh xuất u khổ hải, na dung bất nhiêu thiết da?

(演) 蓋欲以一句彌陀，遍引群生出於苦海，那容不饒舌耶。

(Diễn: Ấy là vì muốn dùng một câu Di Đà dẫn khắp quần sanh thoát khỏi biển khổ, nào ngại nhiều lời u?)

Chẳng riêng đại sư có ý này, mà mười phương chư Phật cũng có ý này, [đây cũng là] bản ý của Bản Sư Thích Ca, ý nghĩa thật sự của việc đức Phật nói pháp suốt bốn mươi chín năm là đây. Dùng một câu A Di Đà Phật giúp chúng ta vượt thoát sanh tử luân hồi, giúp chúng ta viên mãn Bồ Đề trong một đời. Liên Trì thấu hiểu Phật tâm sâu xa, chẳng thể không nói! Chúng tôi ngày nay thấu hiểu ý nghĩa này nên chẳng thể không giảng Sớ Sao và Diễn Nghĩa. Tuy rất dài, dẫu dài cũng phải giảng, vì sao? Quá quan trọng! Hết thầy các kinh đều có thể không giảng, nhưng kinh này chẳng thể không giảng. Tôi càng hy vọng các đồng tu, mọi người đều sốt sắng học tập. Hy vọng sau khi các vị học xong, đến các nơi giảng giải, giảng giải trọn khắp, giúp Bản Sư tiếp dẫn chúng sanh, giúp mười phương hết thầy chư Phật, dùng một câu Di Đà dẫn dắt trọn khắp chúng sanh thoát khỏi biển khổ. Vậy thì có sao quý vị chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nhất định vãng sanh! Vì thế, mọi người hoảng dương phổ biến càng là điều quan trọng hơn bất cứ gì khác!

(Diễn) Ngũ, thỉnh gia giả.

(演) 五、請加者。

(Diễn: Năm là thỉnh gia hộ).

“Thỉnh” là thỉnh cầu, “gia” là gia bị.

(Diễn) Gia thị Tam Bảo gia bị.

(演) 加是三寶加被。

(Diễn: “Gia” là Tam Bảo gia bị).

“Bị” (被) có cùng một ý nghĩa với chữ “phi” (披) trong hiện tại, đây là một chữ Phá Âm⁵. Thần lực của Phật gia trì chúng ta. Không có thần lực của Phật, đại sư sẽ không viết Chú Giải được. Trên giảng đài, nếu không có thần lực của Phật gia trì, chúng tôi cũng không nói ra được những ý nghĩa vi diệu trong ấy. Do vậy, nhất định phải cầu thần lực của chư Phật, Bồ Tát gia trì.

(Diễn) Thỉnh giả, kỳ thỉnh dã, Phật diệt độ hậu, phàm hữu trước thuật, giai quy Tam Bảo minh hy gia bị.

(演)請者，祈請也。佛滅度後，凡有著述，皆皈三寶冥希加被。

(Diễn: “Thỉnh” là cầu xin. Sau khi Phật diệt độ, hễ trước thuật đều hướng về Tam Bảo mong được ngậm gia trì).

“Minh” (冥) là gia trì âm thầm.

(Diễn) Lương dĩ tự kỷ nhất nhân tâm lực hữu hạn, nhi Phật cụ vô duyên đại từ, năng linh tinh thành kỳ thỉnh giả, tự đắc thắng trí, cố thỉnh gia dã.

(演)良以自己一人心力有限，而佛具無緣大慈，能令精誠祈請者，自得勝智，故請加也。

(Diễn: Ấy là vì tâm lực của chính một người có hạn, nhưng Phật sẵn lòng vô duyên đại từ có thể khiến cho người cầu nguyện với tâm lòng tinh thành sẽ tự đạt được trí huệ thù thắng, cho nên cầu thỉnh Tam Bảo gia trì).

⁵ Chữ “phá âm” là những chữ tùy theo cách sử dụng hoặc ngữ cảnh mà sẽ có âm đọc khác nhau. Chẳng hạn như chữ 參 sẽ đọc là Tham (trong “tham gia”, “tham dự”), nhưng sẽ đọc thành Sâm trong Nhân Sâm, Đẳng Sâm, hoặc đọc là Tam nếu dùng với ý nghĩa là số ba. Chữ 禪 đọc thành Thiên trong Thiên Học, Thiên Môn, nhưng phải đọc là Thiện khi dùng với ý nghĩa “nuông lại” như “thiện vị” (nuông ngôi). Ngoài ra, có những trường hợp, chữ Phá Âm có thể đọc khác âm (trong tiếng Quan Thoại) khi dùng với những ý nghĩa khác nhau, nhưng âm Hán Việt vẫn giữ nguyên, như trong trường hợp chữ Bị ở đây.

Cầu Phật gia trì, lũ chúng ta thỉnh cầu Phật gia hộ, phải “*tin thành*”, tự nhiên sẽ được cảm ứng, trí huệ mở mang. Chuyên tu một môn này, chuyên học một môn này, chuyên hoằng một môn này, đó là “*tin*”. Nhất tâm nhất ý chuyên nhập một môn này, quyết định chẳng có tam tâm nhị ý; đó là “*thành*”. Chúng ta có cái tâm ấy, thưa quý vị, Tây Phương Tam Thánh trước hết gia trì quý vị, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, mười phương chư Phật gia trì quý vị, hết thầy Bồ Tát gia trì quý vị, hộ pháp thiên long hộ trì quý vị, lẽ nào quý vị chẳng mở mang trí huệ? Lẽ nào quý vị chẳng đặc biệt tài? Đạo lý nhất định mà! Trừ phi quý vị chẳng tin, chẳng thành, sẽ không có cảm ứng đạo giao. Thật sự làm được hai chữ “*tin thành*”, chẳng cầu Phật gia trì, Phật cũng sẽ gia trì quý vị. Vì sao? Do có cùng tâm, cùng nguyện với mười phương chư Phật, hết thầy Bồ Tát, chí đồng đạo hợp, lẽ đâu chẳng có chuyện giúp đỡ? Chẳng cần phải cầu mà chủ động giúp đỡ! Nay chúng ta ở trong thế gian, nếu nghe nói có những người chí đồng đạo hợp, nhất định rất hoan hỷ, họ không đến kiếm chúng ta, chúng ta đi kiếm họ trước, chí đồng đạo hợp, quá khó được! Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp này, có thể chí đồng đạo hợp với chư Phật, Bồ Tát, không nhiều! Hiếm có lắm! Lẽ đâu Phật, Bồ Tát chẳng gia trì? Chúng ta cũng phải nên hiểu rõ điều này. Đến đây, tựa đề của năm điều trong phần Thông Tự Đại Ý của Sớ Sao đã được giới thiệu đơn giản xong. Lần sau, chúng ta sẽ bước vào phần văn tự, tức là đoạn thứ nhất, tức Minh Tánh trong phần Thông Tự, bước vào phần văn tự càng tinh vi đẹp đẽ hơn. Hôm nay tôi chỉ đem ý nghĩa của tựa đề giới thiệu đại lược mà thôi!